

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2022.

V/v “Không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng;

2. ông Nguyễn Văn Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Huỳnh Thanh Hải- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* ông Võ Minh Mẫn – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Ng đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Trần Văn Ng, sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 -01 -2022 và trong quá trình giải quyết, Nguyên đơn - chị Lê Ngọc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Văn Ng chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân là do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm,

tính tình không hợp nhau. Nay chị N thấy không còn tình cảm với anh Ng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh Trần Văn Ng.

Về con chung: chị N và anh Ng có với nhau 01 con chung tên là Lê Văn V, sinh ngày 16/3/2012. Do chị và anh Ng không có đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh con chung mang họ mẹ và không có tên cha. Chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23-02-2022, bị đơn - anh Trần Văn Ng trình bày:

Anh và chị Lê Thị N chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Nay anh thấy giữa anh và chị N không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị N có với nhau 01 con chung tên là Lê Văn V, sinh ngày 16/3/2012, do anh và chị N không có đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh con chung mang họ mẹ và không có tên cha. Anh Ng đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N và anh Ng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* bị đơn, anh Trần Văn Ng có nơi cư trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Về thủ tục tố tụng: chị N và anh Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N và anh Trần Văn Ng tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh Ng không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chung sống giữa chị N và anh Ng không làm phát sinh quyền và

nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị N và anh Ng là vợ chồng.

[3] Về con chung: chị N và anh Ng xác định có 01 con chung là Lê Văn V, sinh ngày 16/3/2012, do chị N và anh Ng không có đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh con chung mang họ mẹ và không có tên cha. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con và anh Ng cũng đồng ý theo yêu cầu của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu V cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Ng không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Trần Văn Ng.

2. Về con chung: Chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 01 con chung tên là Lê Văn V, sinh ngày 16/3/2012; anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu; anh Ng được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Ng không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Lê Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019089

ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự.

Nguyễn Quốc Hùng